

Số 391 /ĐHBK-CTSV  
V/v Hướng dẫn thực hiện chế độ miễn,  
giảm học phí cho SV đại học chính quy  
HK II năm học 2023 – 2024.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: - Ban Chủ nhiệm các Khoa;  
- TT Đào tạo Bảo dưỡng Công nghiệp;  
- Văn phòng Đào tạo Quốc tế.

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo từ năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Nhà trường hướng dẫn việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2023 – 2024 đối với sinh viên như sau:

**I. Các đối tượng được miễn 100% học phí:**

1. Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14):
  - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
  - Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
  - Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
  - Con (con đẻ, con nuôi) của các đối tượng:
    - + Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
    - + Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8 năm 1945;
    - + Liệt sĩ;
    - + Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
    - + Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
    - + Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
    - + Bệnh binh;
    - + Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
2. Sinh viên khuyết tật
3. Người đủ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP:
  - Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
  - Mồ côi cả cha và mẹ;

- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại thuộc một trong các trường hợp sau:  
+ Bị tuyên bố mất tích;  
+ Hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;  
+ Đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cả cha và mẹ thuộc các trường hợp nêu trên.

4. Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (La Hủ, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ó Đu) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

\* Văn bản của cơ quan có thẩm quyền ban hành danh mục vùng, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn:

- Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định 433/QĐ- UBĐT ngày 18/6/2021 của Ủy Ban dân tộc về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025.

- Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có).

## **II. Đối tượng được giảm 70% học phí:**

6. Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo.

\* Văn bản của cơ quan có thẩm quyền ban hành danh mục vùng, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn:

- Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định 433/QĐ- UBĐT ngày 18/6/2021 của Ủy Ban dân tộc về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025.

- Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có).

### **III. Đối tượng được giảm 50% học phí:**

7. Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

### **IV. Trình tự, thủ tục và hồ sơ:**

1. **Yêu cầu về hồ sơ xét miễn, giảm học phí:** SV chuẩn bị các giấy tờ theo đúng đối tượng.

➤ **Đối tượng 1: Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14)**

- Đơn xin miễn giảm học phí theo mẫu.
- Bản sao giấy khai sinh.
- Giấy xác nhận thuộc đối tượng do phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (quận/ huyện) xác nhận hoặc giấy xác nhận thân nhân người có công do UBND cấp xã nơi thường trú cấp.
- Bản sao Thẻ thương binh, bệnh binh, nhiễm chất độc hóa học.

➤ **Đối tượng 2: Sinh viên khuyết tật**

- Đơn xin miễn giảm học phí theo mẫu.
- Bản sao giấy khai sinh.
- Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện cấp.

➤ **Đối tượng 3: Người đủ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP**

- Đơn xin miễn giảm học phí theo mẫu.
- Bản sao giấy khai sinh.
- Bản sao Quyết định về việc Trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp.

➤ **Đối tượng 4: Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo.**

- Đơn xin miễn giảm học phí theo mẫu.
- Bản sao giấy khai sinh.
- Bản sao sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo do UBND xã cấp năm 2024.

➤ **Đối tượng 5: Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.**

- Đơn xin miễn giảm học phí theo mẫu.
  - Bản sao giấy khai sinh.
  - Giấy xác nhận thông tin về cư trú
- **Đối tượng 6: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo.**
- Đơn xin miễn giảm học phí theo mẫu.
  - Bản sao giấy khai sinh
  - Giấy xác nhận thông tin về cư trú
- **Đối tượng 7: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.**
- Đơn xin miễn giảm học phí theo mẫu.
  - Bản sao giấy khai sinh
  - Bản sao sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp.
  - Bản sao quyết định hưởng trợ cấp TNLĐ hàng tháng của Giám đốc BHXH Tỉnh, Thành phố hoặc bản sao thẻ chứng nhận trợ cấp tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp.

• **Lưu ý**

1. SV tải mẫu đơn MGHP theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP bằng cách quét mã QR đính kèm theo thông báo.
2. Các bản sao công chứng có thời gian không quá 6 tháng.
3. Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.
4. Đối với sinh viên thuộc đối tượng 1,2,3 và 7 chỉ nộp hồ sơ 01 lần cho cả thời gian học tập, trừ trường hợp SV bị kỷ luật tạm dừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được miễn, giảm học phí. Sau thời gian tạm dừng, SV phải nộp lại 01 bộ hồ sơ mới để được xét miễn, giảm học phí. Đối với đối tượng 4, SV sẽ nộp giấy chứng nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo theo từng học kỳ. Đối với đối tượng 5 và 6, SV sẽ nộp giấy xác nhận thông tin về cư trú theo từng học kỳ.
5. Sinh viên chỉ được miễn, giảm học phí đối với các môn học đăng ký học lần 1 trong học kỳ chính theo chương trình đào tạo, các môn học lại hoặc học bổ sung sẽ không được miễn, giảm học phí.
6. Sinh viên đã được miễn, giảm học phí trong học kỳ 231 (trừ đối tượng 4,5,6) không nộp lại hồ sơ.
7. Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo mức trần học phí quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP. Phần còn lại sinh viên phải đóng bằng phần chênh lệch giữa mức học phí thực tế của cơ sở giáo dục và mức hỗ trợ của Nhà nước.

## V. Cách thức nộp hồ sơ

SV nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng CTSV:

- Cơ sở Lý Thường Kiệt: Phòng 101 nhà A4.
- Cơ sở Dĩ An: Khu hành chính – Tầng 1 toà nhà BK.B1.

Thời hạn: *đến 15h00 ngày 26/02/2024 (thứ Hai).*

Trân trọng./.

**TRƯỞNG PHÒNG CTSV**



**Trần Việt Toàn**

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu P. CTSV.

SV vui lòng quét mã QR để tải  
mẫu đơn xin miễn, giảm học phí:



